

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Quang T1, sinh năm 1965; địa chỉ: số G, đường L, tổ I, khu phố L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Luật sư Nguyễn Tâm H - Văn phòng L4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh P, có mặt tại phiên toà.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị H1, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.2. Bà Võ Thị S1, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.3. Bà Võ Thị C, sinh năm 1953; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.4. Ông Võ Khắc T2, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.5. Bà Võ Thị Thanh T3 (Thúy Vũ Nguyễn), sinh năm 1950; địa chỉ: C Columbia Ave Lineohn R. IL 60172.

3.6. Ông Võ Trọng C1, sinh năm 1948 (chết năm 2003).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

Bà Ngô Thị D, sinh năm 1954; bà Võ Thị H2, sinh năm 1970 và bà Võ Thị H3, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Ông Võ Công H4, sinh năm 1975 và bà Võ Thị H5, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Bà Võ Thị H6, sinh năm 1972; bà Võ Thị H7, sinh năm 1970; bà Võ Thị H8, sinh năm 1978; địa chỉ: thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.7. Ông Võ Đình T4, sinh năm: 1969 (chết năm: 2012).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng: bà Nguyễn Thị Lê D1, sinh năm 1972; ông Võ Duy L1, sinh năm 1996; ông Võ Duy L2, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn M, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H1, bà S1, bà C, bà D, ông T2, bà T3, bà D1: ông Võ Hồng S.

3.8. Ông Lê Quang A; địa chỉ: số G, đường L, tổ I, khu phố L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

3.9. Ông Lê Quang N; địa chỉ: số G, đường L, tổ I, khu phố L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

(tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt).

Người kháng cáo: ông Võ Hồng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Năm 2017 ông S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lê t lại diện tích đất 43m² (chiều dài 12,50m, chiều rộng 3,50m) thuộc một phần thửa đất số 86, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.833m² của vợ chồng bà Trần Thị M, ông Lê Quang A tọa lạc tại tổ I, khu phố L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (trước đây thuộc ấp B, xã T, tỉnh Phú Yên) do ông Võ Q (chết năm 2014), bà Phan Thị T5 (chết năm 2012) là cha mẹ của ông Võ Hồng S mua vào năm 1974 và đã lập di chúc để lại cho ông S. Hiện nay, do bà L đã lấn chiếm làm sân nhà và đường đi. Ông S đã báo nhiều lần với Ủy ban nhân dân (UBND) Phường E, thành phố T nhưng không được giải quyết. Nay ông S khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L, ông Lê Quang T1 chấm dứt hành vi lấn diện tích đất 43m² và công nhận cho ông S được quyền sử dụng diện tích đất 43m² nói trên.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Quang T1 cùng Luật sư Nguyễn Tâm H thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị L, ông Lê Quang A không biết diện tích đất của bà Trần Thị M, ông Lê Quang N1 bán cho ông Võ Q, bà Phan Thị T5. Bà L khẳng định không biết việc mua bán đất giữa bà Trần Thị M, ông Lê Quang N1 với ông Võ Q, bà Phan Thị T5 và chữ ký “Lê” trong Giấy bán đoạn đất lập ngày 21 tháng 10 năm 1974 không phải chữ ký của bà Nguyễn Thị Lê. Việc ông Q, bà T5 mua đất ở đâu thì bà không biết.

Từ trước giải phóng đến nay, bà L trực tiếp sử dụng ổn định diện tích đất do cha mẹ chồng để lại cho vợ chồng bà Lê kê k, đăng ký và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước, không có ai tranh chấp. Việc ông S khởi kiện yêu cầu bà Lê t lại diện tích đất 43m² nói trên thì bà L không chấp nhận. Nay bà L già yếu nên ủy quyền cho ông Lê Quang T1 (con bà L) quyết định và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Bà L khẳng định, nguồn gốc đất là của gia đình bà L đang quản lý sử dụng, không liên quan gì đến ông S, nên bà L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng S.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng cùng thống nhất trình bày:

Trước đây, ông Võ Q, bà Phan Thị T5 có mua của bà Trần Thị M, ông Lê Quang N1 một diện tích đất khoảng 43m² tại thành phố T và dựng 01 căn nhà bằng ván gỗ, mái tôn, gác lửng trên diện tích đất đã mua. Đến năm 1977, ông Võ Q, bà Phan Thị T5 tháo dỡ toàn bộ căn nhà gắn liền diện tích đất 43m² và bỏ trống mảnh đất hiện đang tranh chấp để trở về quê tại xã H, huyện P xây dựng lại nhà ở, cả gia đình sinh sống ổn định từ đó cho đến nay. Sau đó, ông Võ Q, bà Phan Thị T5 viết di chúc cho ông Võ Hồng S mảnh đất diện tích 43m² này, các anh chị em trong gia đình đều thống nhất ký vào giấy di chúc.

Do đó, chúng tôi thống nhất ủy quyền cho ông S và đồng ý việc ông S khởi kiện đòi lại diện tích 43m² đất đã bị gia đình bà L chiếm dụng, ông S được trọn quyền sử dụng theo đúng ý nguyện của ông Võ Q, bà Phan Thị T5. Chúng tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã xử:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 147; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 26; Điều 95; Điều 100; Điều 169; Điều 170; Điều 202; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Hồng S về yêu cầu bà Nguyễn Thị L, ông Lê Quang T1 trả lại diện tích đất 43m² thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 14 thuộc một phần thửa đất có diện tích 1.833m² của vợ chồng bà Trần Thị M, ông Lê Quang A tọa lạc tại tổ I, khu phố L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (trước đây thuộc ấp B, xã T, tỉnh Phú Yên) mà cha mẹ ông Võ Hồng S tên Võ Q (chết năm 2014), Phan Thị T5 (chết năm 2012) mua vào năm 1974. Vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 ông Võ Hồng S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận Đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn kháng cáo có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Luật sư Nguyễn Tâm H trình bày: Nguồn gốc đất là của gia đình bà L đang quản lý sử dụng, không liên quan gì đến ông S. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án, đến trước thời điểm nghị án là đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của ông Võ Hồng S là trong thời hạn luật định. Ông Võ Hồng S kháng cáo và có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

Về nội dung vụ án: ông Võ Hồng S kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Võ Hồng S, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 ông Võ Hồng S kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Như vậy, kháng cáo của ông Võ Hồng S là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay, ông Võ Hồng S có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Võ Hồng S:

[2.1] Theo Giấy bán đoạn đất lập ngày 21 tháng 10 năm 1974 có chứng thực của Ủy ban hành chính xã T, thuộc chính quyền Việt Nam Cộng hòa thì diện tích đất tranh chấp 43m² (chiều dài 12m50, chiều ngang 03m50) nằm trong số hiệu 86, tờ 14, diện tích chung là 1.833m² có vị trí giới cận: Đông cận đất ông Nguyễn Quang A1; Tây cận đất số hiệu 86 còn lại; Nam cận đất ông Nguyễn Thành N2; Bắc cận đất số hiệu 86 còn lại.

[2.2] Công văn số 14/UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của U về việc cung cấp chứng cứ cho Tòa án tỉnh Phú Yên có nội dung: “U đã kiểm tra hồ sơ quản lý Nhà nước lưu trữ ở địa phương và cung cấp trích lục bản đồ địa chính, liên quan đến thửa đất số 224, tờ bản đồ số 15 (đo đạc năm 2004) tọa lạc tại 7 L, khu phố L, Phường E như sau: Bản đồ đo đạc năm 2004 - thửa đất số 224, tờ bản đồ số 15, diện tích 268,9m²; hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập năm 2004 - tên chủ sử dụng thửa đất số 224, tờ bản đồ số 15, diện tích 268,9m² là ông Lê Quang N1. Các thửa đất liền kề gồm: thửa đất số 225 chủ sử dụng đất Ninh Công Huân; thửa đất số 243 chủ sử dụng đất Phan Minh A2; thửa đất số 244 chủ sử dụng đất Võ Xuân T6. Thửa đất số 86, tờ bản đồ 14, diện tích 1.833m² ghi trong Giấy bán đoạn đất được Ủy ban hành chính xã T chứng thực ngày 21 tháng 10 năm 1974 không phải là thửa đất số 224, tờ bản đồ số 15 đo đạc năm 2004 diện tích 268,9m² tại số G L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên; không có tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc thay đổi diện tích từ 1.833m² xuống còn diện tích 268,9m²... Diện tích đất tranh chấp 43m² ông Võ Q, ông Võ Hồng S không kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại địa phương”.

[2.3] Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: năm 1977 ông Võ Q, bà Phan Thị T5 tháo dỡ toàn bộ căn nhà gắn liền diện tích đất 43m² và bỏ trống mảnh đất hiện đang tranh chấp để trở về quê tại xã H, huyện P xây dựng lại nhà ở, cả gia đình sinh sống ổn định từ đó cho đến nay. Sau đó, ông Võ Q, bà Phan Thị T5 viết di chúc cho ông Võ Hồng S mảnh đất diện tích 43m² này, các anh chị em trong gia đình đều thống nhất ký vào giấy di chúc. Như vậy, có căn cứ khẳng định từ năm 1977 đến khi có tranh chấp khởi kiện năm 2017 chính ông Võ Q, bà Phan Thị T5, ông S và anh chị em của ông S đều không sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp này.

[2.4] Nội dung Biên bản hòa giải ngày 16 tháng 3 năm 2017 của U, thành phố T, người làm chứng ông Nguyễn T7 xác định: “Việc mua bán theo Giấy bán đoạn đất là có nhưng do gia đình ông S bỏ đi, không sử dụng diện tích đất đã mua nên gia đình bà L đã sử dụng ổn định từ trước đến nay và đóng thuế cho Nhà nước”.

Thực tế đến nay, diện tích đất tranh chấp được gia đình bà L sử dụng liên tục, ngay tình, công khai, ổn định và đã tiến hành kê khai được cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Quang N1 (chồng bà L).

[2.5] Khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của N3 dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền N Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

[3] Tại phiên toà xét xử phúc thẩm hôm nay các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của đương sự và những nội dung được phân tích tại các mục [1], [2] nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của ông Võ Hồng S là không có căn cứ để chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Võ Hồng S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hồng S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 37; Điều 147; Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 26; Điều 95; Điều 100; Điều 169; Điều 170; Điều 202; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Hồng S về yêu cầu bà Nguyễn Thị L, ông Lê Quang T1 trả lại diện tích đất 43m² thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 14 thuộc một phần thửa đất có diện tích 1.833m² của vợ chồng bà Trần Thị M, ông Lê Quang A tọa lạc tại tổ I, khu phố L, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên (trước đây thuộc ấp B, xã T, tỉnh Phú Yên) mà cha mẹ ông Võ Hồng S tên Võ Q (chết năm 2014), Phan Thị T5 (chết năm 2012) mua vào năm 1974.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Võ Hồng S phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003967 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

(Đã ký)

Trương Công Thi Đinh Phước Hoà

Trần Quốc Cường